

XUNG QUANH CÁC HÌNH THỨC KHAI THÁC RUỘNG LANG

Nhà Lang là đẳng cấp thống trị trong xã hội Mường (Hòa Bình) trước Cách mạng tháng Tám. Nói chung, họ không lao động. Vì vậy, nói đến các hình thức khai thác ruộng Lang, tình hình ruộng đất trong xã hội Mường cổ truyền đã được miêu tả nhiều lần(1). Trong khuôn khổ một bài viết, chúng tôi chỉ giới thiệu vài chi tiết cụ thể có liên quan đến bốn hình thức khai thác ruộng Lang: Xâu, Nõ, “Trực canh”, và cho cấy chia.

Tài liệu làm cốt cho bài này do chúng tôi sưu tầm được trên địa bàn Mường Hòa Bình vào cuối năm 1966 và giữa năm 1967, chủ yếu tại MƯỜNG ĐẾCH (= Mường Rếch)(2), MƯỜNG PI (= Mường Bi), và MƯỜNG TÔÔNG (= Mường Động), Mường Bi và Mường Động nổi tiếng là hai Mường lớn trong tỉnh Hòa Bình(3). Mường Rếch là một Mường nhỏ ở trung tâm tỉnh(4), nép ven tỉnh lộ 12B, cách đỉnh dốc Cun không bao xa. Tại một xóm ở đây, xóm TÚUP (= xóm Đúp), những số liệu sưu tập được đã cho phép chúng tôi lên phương án cụ thể từng loại ruộng. Tiếc rằng phương pháp thăm vấn, dựa vào ký ức những người lớn tuổi trong xóm, không cho phép chúng tôi ngược thời gian(5): phương

án các loại ruộng ở xóm Đúp, mà chúng tôi sẽ giới thiệu sau đây, chỉ phản ánh tình hình năm 1935, mười năm trước Cách mạng tháng Tám, lúc chế độ nhà Lang ở địa phương đã suy vi cực độ.

Xã hội Mường cổ truyền và tính chất ruộng Lang

Trước Cách mạng tháng Tám, người Mường ở Hòa Bình phân biệt nhiều loại ruộng. Từ Mường này qua Mường kia, cách phân loại có thể khác nhau(6). Tuy nhiên, đứng về phương diện chiếm hữu đất đai mà nói, có thể khuôn xếp lại thành ba loại cho gọn: ruộng Lang, ruộng công và ruộng tư. Cách sắp xếp này hoàn toàn khớp với quan niệm của cư dân xóm Đúp và Mường Rếch. Dưới chế độ nhà Lang, ruộng ở đây được chia thành ba loại: NA LANG (= ruộng Lang), NA CÔÔNG (= ruộng công) mà có người gọi là NA JÂN (= ruộng dân), và NA RŨỒM (= ruộng rườm, tức ruộng tư). Cách phân loại đó phản ánh đúng tính chất của xã hội Mường (Hòa Bình) trước Cách mạng tháng Tám. Xã hội ấy đã từng là đề tài của một số dân tộc chí và bài chuyên khảo(7). Ở đây chúng tôi chỉ nhắc lại một vài khái niệm, trong chừng mực cần thiết để hiểu phương án ruộng Lang xóm Đúp.

Xã hội Mường (Hòa Bình) trước đây là một xã hội có đẳng cấp, trong đó mỗi một con người được “chính danh định phận” chặt chẽ. Quý tộc gọi là LANG(8), bình dân gọi là JÂN (= dân). Trong một MUÔNG (= Mường), địa vực gồm nhiều xóm, quý tộc thống trị đều là thành viên của một dòng họ, như dòng họ BẠCH CÔNG thống trị ở Mường Rếch. Tuy thường chung nhau một tộc danh là họ BŨI(9), thực ra bình dân, bao gồm thành viên của nhiều tông tộc khác nhau: họ cư trú cạnh nhau thành từng xóm như xóm Đúp, với tư cách là láng giềng của nhau(10). Xã hội Mường là một xã hội phụ quyền, mà tế bào là gia đình nhỏ gồm cha mẹ và con cái - người Mường gọi là NOÓC (=nóc, nóc nhà),

trong đó quyền thế tập là quyền của con trai trưởng. Bộ máy nhà Lang xây dựng trên nguyên tắc ấy. Con trai trưởng của chi trưởng họ BẠCH CÔNG thống trị toàn bộ thung lũng Mường Réch gồm 12 xóm: đó là LANG CUN (= Lang Cun), gọi tắt là Cun. Lang Cun Mường Réch, hay CUN ĐẾCH (= Cun Réch), chỉ trực tiếp thống trị có 3 xóm, gọi gộp lại là CHIỀNG (= Chiềng), nói rõ ra là CHIỀNG ĐẾCH (= Chiềng Réch, tức Chiềng của Mường - Réch). Các chi thứ chia nhau thống trị các xóm khác ở ngoài phạm vi Chiềng. Đứng đầu xóm Đúp, chẳng hạn, là con trai trưởng của một chi thứ họ BẠCH CÔNG: đó là LANG TAO (= Lang Đạo)(11), hay TAO (= Đạo), nói cho rõ là TAO TUÚP (= Đạo Đúp, tức Lang Đạo xóm Đúp).

Nội bộ bình dân phân hóa thành nhiều tầng lớp. Trên hết là tầng lớp ÂU (= Âu)(12), những người bình dân được cất nhắc vào bộ máy thống trị, làm tay chân cho Cun ở Chiềng hay Đạo và xóm. Những chức Âu cao cấp nhất, gọi là ÂU ENG (= Âu anh), được ăn những phần ruộng công tốt nhất. Các chức Âu nhỏ, gọi là ÂU ÚN (= Âu em), chỉ là chân chạy cho Lang và các Âu anh sai phái. Ở xóm Đúp, các nóc được ăn ruộng thay phiên nhau làm Âu em, còn các chức Âu anh thì do 4 nóc cố định đổi nhau làm từ lâu đời rồi, cứ mỗi năm 2 nóc. Dưới Âu, đến các nóc thường dân được ăn ruộng công gọi là NHA NOÓC (= Nhà nóc). Bậc thang cuối cùng của xã hội dành cho các NOÓC K'LOI (= Nóc trội), những nhà không được ăn ruộng công, mà nói chung cũng không có ruộng tư, thường chỉ sống về nương rẫy: do đó người Mường thường gọi thành viên các nóc trội là TỬA ROONG là tiếng khinh miệt. Nếu Âu (bình dân) không trở thành Lang (quí tộc) được - trừ một vài trường hợp ngoại lệ - thì trái lại Nóc trội có thể trở thành Nhà nóc một khi được Lang - Âu cấp cho một phần ruộng công, và Nhà nóc có thể bước lên địa vị Âu với

sự cất nhắc của Nhà Lang.

Phương án số 1 (xem phụ lục) chỉ thể hiện một loại ruộng của xóm Đúp: NA LANG. Trên tổng diện tích ruộng của xóm, một số thửa - mà người Mường gọi là CON NA (= con ruộng, tức thửa ruộng) - dành riêng cho Nhà Lang khai thác. So sánh phương án ruộng Lang xóm Đúp với phương án các loại ruộng khác, NA CÔÔNG và NA RŨỒM (xem phụ lục: phương án 2 và 3), chúng ta thấy NA LANG chiếm một tỷ lệ khác cao: 29,9%. Những thửa ruộng kể trên phương án số 1 đã trở thành ruộng Lang từ bao giờ, và trong những hoàn cảnh nào? Dù sao, tên một số thửa đã được ghi trên những giấy má về ruộng đất nhà Lang thời cuối Lê đầu Nguyễn, mà chúng tôi sưu tầm được ở xóm Đúp. Các cụ cao tuổi trong xóm làng Mường quan niệm rằng, thoát tiên, Lang chỉ là người bỏ giống má trâu bò ra chiêu mộ kẻ khác đến khai phá một vùng đất hoang, và khi công việc khai hoang đã hoàn thành, mọi người thỏa thuận dành phần đất khai lớn nhất và tốt nhất để trả ơn người đã bỏ công của. Có những tác giả cũng muốn giải thích nguồn gốc ruộng Lang theo một hướng tương tự(13). Nhưng, đi sâu vào tính chất chiếm hữu, chúng ta thấy rằng ruộng Lang rất giống ruộng công trên một số điểm:

1. Cả hai loại ruộng đều thuộc hạng tài sản không thể đem bán đoạn - người Mường gọi là PAẠNH BẮT TẮT (= bán mất đất).

2. Cả hai đều thuộc hạng tài sản không thể đem cầm cố - người Mường gọi là PAẠNH CẦM (= bán cầm) hay PAẠNH CHUỐC (= bán chuộc). Trên phương án ruộng Lang xóm Đúp, chúng ta thấy có hai trường hợp cầm cố: trong cả hai trường hợp, việc cầm cố đã xảy ra giữa người nhà Lang với nhau. Nhưng tại một số nơi khác, ví như ở CHIỀNG TÔÔNG (= Chiềng Động, tức

những xóm hợp thành Chiềng của Mường Động), chúng tôi còn thấy trường hợp cầm cố ruộng Lang cho cả người bình dân nữa(14).

3. Còn một bằng cứ có thể góp phần biện hộ cho nguồn gốc công hữu của ruộng Lang. Trong trường hợp nhà Lang đương quyền bị các Âu và nhân dân đánh đổ rồi rước một nhà Lang ở nơi khác về thay thế - người Mường gọi hiện tượng này là CU LAO (= Cù lão, chưa nắm được nghĩa đen) -, nhà Lang bị truất không còn thừa hưởng tí ruộng Lang nào nữa, toàn bộ ruộng Lang vào tay nhà Lang mới.

Nếu quả thực NA LANG vốn là ruộng công, hay là mang tính chất ruộng công, thì cũng phải công nhận rằng tính chất ấy rất hạn chế. Ruộng Lang khác ruộng công chủ yếu ở chỗ ai là người chiếm hữu của đẳng cấp thống trị. Bộ máy thống trị, gồm Cun-Đạo-Âu bảo đảm độc quyền ấy. Nó còn bảo đảm cho nhà Lang quyền thao túng ruộng công, vì phân phối ruộng công là nhiệm vụ và đặc quyền của Lang, có các Âu giúp rập.

Một đặc tính khác nữa của NA LANG cũng đáng được lưu ý. Ruộng Lang thuộc độc quyền chiếm hữu của nhà Lang, nghĩa là của cả một tập thể tông tộc. Nhưng, như trên đã nói, tế bào của xã hội Mường lại là nóc nhà, gia đình nhỏ gồm bố mẹ và con cái. Mỗi nóc là một đơn vị kinh tế độc lập. Vì vậy, ruộng Lang thuộc hạng tài sản, tuy không thể đem bán đoạn vì không phải là của riêng của một ai, nhưng lại có thể đem chia cho các con trai, cũng như đem cầm cố. Theo tập quán cổ truyền của người Mường (ở Hòa Bình), khi cha mẹ chia tài sản cho con, người con trai trưởng bao giờ cũng được hưởng phần lớn nhất, ít nhất 2/3. Trên phương án số 1, chúng ta thấy ruộng Lang xóm Đúp bị xẻ thành 3 phần giữa 3 nhà, nhà được phần lớn hơn là nhà Lang

Đạo Bạch Công Cương, đại diện cho nhóm trưởng. Nhưng do việc cầm cố ruộng Lang qua nhiều đời, nên đến năm 1935 - năm mà tình hình ruộng Lang xóm Đúp được thể hiện trên phương án Đạo Cương không còn nắm đủ 2/3 tổng diện tích nữa. Chia và cầm cố ruộng Lang tất phải làm cho diện chiếm hữu của nhà Lang vụn ra. Đó là đầu mối của bao mâu thuẫn gay gắt thường nổ ra trong nội bộ nhà Lang, có khi đi đến chỗ anh em họ hàng giết nhau. Diện tích ruộng Lang vụn ra, phần ruộng của Lang Cun hay Lang Đạo bị thu hẹp lại, uy lực của nhà Lang tất yếu đi. Vì vậy, các nhà Lang hết sức tránh chia đất. Và để giải quyết đời sống cho những con thú hay em vợ bé không được ĂN ĐẤT (= ăn đất), họ thường dùng những biện pháp sau đây:

1. Tốt nhất là cho em hay con thú đi ở rể một nhà Lang không có con trai: con rể chờ bố vợ chết để ăn đất;

2. Nếu gặp thời cơ mà thừa mưu trí, thì mua chuộc Âu và dân một xóm nhà Lang đã suy, nhằm cù lão Lang đương quyền, cho em hay con thú đến thay chân;

3. Có thể chọn một nhà dân khá giả, thường là nhà Âu, cho em hay cho con thú đến ở rể;

4. Cùng lắm, thì giữ em hay con thú trong nhà, dựng vợ cho, cùng ăn cùng ở, biến gia đình nhỏ thành gia đình lớn;

5. Gặp trường hợp không thể không chia ruộng, thì cố gắng sử dụng quyền huynh trưởng để hạn chế diện tích phải cắt. Trên phương án ruộng Lang xóm Đúp, ta thấy Lang Đạo Bạch Công Cương chiếm hữu những 4.080 mạ, nhưng chỉ chia cho em là Bạch Công Bành vốn vện có 500 mạ.

Xung quanh hiện tượng chia đất và tranh đất trong nội bộ nhà Lang, lịch sử chi họ BẠCH CÔNG ăn đất xóm Đúp là một

tỉ dụ khá đậm nét, có thể giúp ta hiểu thêm bản chất của chế độ nhà Lang, tính chất ruộng Lang và phương án ruộng Lang xóm Đúp. Nguyên chi nhánh này của họ BẠCH CÔNG mới thống trị xóm đúp từ 5 đời trước Cách mạng tháng Tám. Người đầu tiên trong chi từ Chiềng Rếch đến ăn đất Đúp là Bạch Công Tiết: tên của Tiết được ghi trên một văn bản về ruộng đất đề năm “Minh mệnh thập niên” mà chúng tôi sưu tầm được cũng ở xóm Đúp. Theo văn bản ấy thì bây giờ Tiết là “thứ Thổ lang”, tức em trai Lang Cùn ở Chiềng. Căn cứ vào các mẩu chuyện mà những người lớn tuổi ở xóm Đúp, và cả ở xóm Củ cạnh xóm Đúp, sau khi đã thông đồng với các Âu lớn ở Chiềng và ở xóm giết chết hai anh em nhà Lang thống trị xóm Củ thời bấy giờ. Hai anh em này thuộc một chi nhánh khác của họ Bạch Công. Trước sau, Tiết lấy 9 vợ. Y cho 3 vợ ở tại xóm Củ, sau đó tính chuyện ăn luôn đất xóm Đúp. Tại Đúp, trước khi Tiết vươn tay đến, cũng đã có một chi nhánh khác của họ Bạch Công làm Lang Đạo từ lâu đời rồi. Nhưng chưa rõ vì lý do gì, trước đây nhà Lang xóm Đúp đã cầm cố toàn bộ ruộng Lang cho một dòng Lang ở Mường khác. Vốn là thứ thổ lang, Tiết dùng danh nghĩa của Chiềng thương lượng chuộc lại những ruộng đã cầm cố. Mặt khác, có lẽ để trừ hậu hoạn, Tiết định tìm cách diệt luôn nhà Lang xóm Đúp, như y đã từng làm ở Củ. Không muốn chung số phận với nhà Lang Củ, nhà Lang ở Đúp đành từ bỏ mọi quyền lợi của cha ông trước kia, và “giảng hòa” bằng cách gả một người con gái đẹp cho Tiết. Tiết cho 3 vợ ở tại Đúp. Vậy là, ngay từ đầu, dòng Lang mới ở xóm Đúp đã gồm 3 nhà, sau này sẽ sinh ra 3 nhánh. Cho đến Cách mạng tháng Tám nhà Lang xóm Đúp vẫn gồm 3 nhánh như vậy. Và cũng ngay từ đầu Tiết chia ruộng Lang của xóm thành 3 phần cho 3 nhà. Chính vì thế mà trên phương án NA LANG xóm Đúp, chúng ta thấy có 3 phần ruộng, phần lớn nhất về tay con

trai trưởng của nhánh làm Lang Đạo. Theo lời kể thì về sau Tiết còn ăn luôn cả xóm K'LEO (= xóm Chẹo) cạnh xóm Đúp, và cho 3 vợ khác ở đấy. Riêng đối với dòng Lang Đạo cũ ở Đúp, sau khi đồng ý cho “giảng hòa”, Tiết làm giao thư cắt cho một chút ít ruộng Lang làm ruộng tổ nghiệp. Đến nay, giao thư vẫn còn. Nhưng mãi đến trước Cách mạng tháng Tám, cháu chắt Tiết cứ tìm cách lấy lại bản giao thư để đòi số ruộng mà Tiết đã cắt cho. Bấy giờ ông Bạch Công Âm (nay gọi là bố Hải), người cuối cùng giữ văn bản ấy, cứ phải giấu kín giao thư dưới mái tranh.

Xâu và nõ

Như mọi phương án, phương án ruộng Lang xóm Đúp không nói cạn vấn đề. Nhưng nó khách quan nêu lên một số điểm, gợi ý chúng ta tìm hiểu thêm.

Qua phương án ta thấy nhà Lang xóm Đúp khai thác ruộng Lang thông qua 3 hình thức: Xâu, Nõ và “Trực canh”. Mặc dầu diện tích khai thác bằng Xâu Nõ không nhiều (tỷ lệ trên phương án: 20,7% của tổng diện tích ruộng Lang)(15), nhưng đó là những hình thức bóc lột chủ yếu của nhà Lang, là đặc trưng của chế độ nhà Lang. Các đồng chí ở Hòa Bình thường nói: Xâu - Nõ là “cốt tủy” của chế độ nhà Lang. Trên toàn bộ diện tích ruộng Lang, một số thửa được trích ra, mà những nóc ăn ruộng công có nhiệm vụ cày cấy cho nhà Lang dưới 2 hình thức: Xâu và Nõ. Trong bộ máy thống trị của nhà Lang, dù ở Chiềng hay ở xóm, có chức Âu đặc trách việc đôn đốc các nóc đi LA XÂU (= làm xâu), LA NỐ (= làm nõ): ở xóm Đúp, đó là chức ÂU CHẬU KHO (= Âu chấu kho)(16). Xâu và Nõ không khác gì nhau về mức độ bóc lột. Dù làm Xâu hay làm Nõ, người trực tiếp cày cấy không được hưởng tí gì. Nếu không kể vài bữa ăn tại nhà Lang mà các nóc gánh vác Xâu-Nõ được đến dự - ngày giỗ tổ tiên nhà Lang,

hôm vừa cấy gọn xong toàn bộ diện tích ruộng Lang, “ngày giỗ BUA THỜ (= Vua thờ, tức Thánh Tản Viên) -, thì 100% số lúa thu hoạch được về tay nhà Lang. Trong những ngày gặt hái, người Xâu - Nô thu được bao nhiêu phải gánh bấy nhiêu về nhà Lang, xếp lúa vào TỤN (= đụn, vựa thóc), hay chất lên RỔNG (= chỗ cất lúa và hoa màu dưới mái nhà), sau đó mới ra về.

Nhưng Xâu và Nô lại khác nhau về mặt tổ chức lao động. Làm xâu là làm tập đoàn: trên diện tích 700 mạ của con NA KHOANG (xem phương án số 1), thửa NA XÂU (= ruộng xâu) độc nhất của Lang Đạo xóm Đúp, những nóc trong xóm được ăn ruộng công, kể cả các nóc Âu, phải dùng trâu và nông cụ của nhà mà cùng nhau làm từng việc cần thiết trong qui trình sản xuất: cày, bừa, đắp bờ cấy, làm cỏ, tát nước, gặt, gánh lúa về (17)... Ở đây, có lẽ cũng cần đính chính một điểm: trong một tài liệu công bố trước đây(18) - mà tính chất tổng hợp đã giúp ích cho chúng tôi trong bước đầu tìm hiểu chế độ nhà Lang - tác giả đã nhầm lẫn rằng Xâu là lợi dụng sức lao động của người “đi phiên” để canh tác ruộng Lang. Không phải như vậy. Dùng sức lao động của người “đi phiên” là hình thức “trực canh” mà chúng ta sẽ bàn đến ở một đoạn sau. Còn các thửa NA NÓ (= ruộng Nô) thì được chia thành những mảnh nhỏ tương đối đều nhau, mỗi mảnh gọi là một NÓ (= Nô, chưa rõ ngữ nghĩa), và thường chiếm một diện tích từ 100 đến 200 mạ tùy địa phương. Nhìn lại phương án ruộng Lang xóm Đúp, ta thấy Đạo Cương có 6 thửa ruộng Nô, mỗi thửa là một Nô, không Nô nào quá 150 mạ. Còn Lang Phú thì chỉ có 1 thửa ruộng Nô, chia làm 2 Nô, mỗi Nô 200 mạ. Chưa rõ vì lý do gì Lang Lương không nắm được Nô nào cả. Dù sao, sự phân bố ruộng Nô giữa các nóc khác nhau thuộc dòng Lang xóm Đúp cũng cho ta thấy rằng, trong những trường hợp phải chia ruộng Lang cho em và con thứ, có lúc nhà Lang phải chia cả

ruộng Nõ. Chia ruộng Nõ có nghĩa là chia luôn quyền lực bắt dân Mường đi làm Nõ: quyền lực này vốn tập trung vào một mối. Như ta đã biết, Xâu - Nõ là đặc trưng của chế độ nhà Lang: quyền bắt dân làm Xâu - Nõ càng vụn ra, uy thế của nhà Lang càng tụt xuống. Một lần nữa, chúng ta càng hiểu vì sao các nhà Lang hết sức tránh chia ruộng Lang. Theo nguyên tắc chung, mỗi gia đình ăn ruộng công, kể cả các nóc Âu, được nhà Lang giao cho một Nõ, và phải dùng trâu bò công cụ của nhà mà canh tác trên mảnh ruộng con ấy, để rồi, gặt hái xong, lại gánh toàn bộ lúa thu hoạch được nộp tất cho nhà Lang. Nhưng, căn cứ vào phương án số 1, thì xóm Đúp chỉ có 8 Nõ (6 Nõ của Đạo Cường, 2 Nõ của Lang Phú); trong khi đó thì toàn xóm có những 12 nóc được ăn ruộng công, kể cả các nóc Âu (xem phương án số 2). Thực ra, như chúng tôi đã nói từ đầu, phương án các loại ruộng ở xóm Đúp mà chúng tôi đang trình bày chỉ phản ánh tình hình năm 1935, lúc chế độ nhà Lang ở địa phương đã suy vi. Tình trạng ấy bắt đầu từ lâu nữa, trước năm 1935, và trong hoàn cảnh đó, 4 nóc Âu cố định ở xóm Đúp đã tự ý bỏ nghĩa vụ làm Nõ cho nhà Lang. Vì vậy, ở xóm Đúp chỉ còn có 8 Nõ, mỗi Nõ do một nhà nóc đảm nhiệm. Dù Xâu hay Nõ, nhà Lang phải chịu thóc giống. Còn công ngâm và gieo mạ cho nhà Lang thì do tập quán từng Mường từng xóm qui định: ở xóm Đúp, đó là công của 4 nóc thay phiên nhau làm Âu anh; ở Chiềng Rếch, đấy lại là nhiệm vụ của những nóc Âu em.

Về mặt quản lý lao động, Xâu và Nõ cũng có phần khác nhau. Trong quá trình làm Xâu, nhà Lang là người quản lý lao động. Suốt vụ, nhất là vào những kỳ ùn việc (cày bừa, cấy, gặt), hàng tối Âu phụ trách Xâu - Nõ đến từng nóc làm Xâu để điều công và phân công trước. Khi mọi người đang lao động trên mặt ruộng Xâu, y thường có mặt trên bờ ruộng để đôn đốc và ộp làm.

Đến kỳ gặt hái, y là người kiểm soát việc thu hoạch. Nếu Âu đặc trách Xâu - Nõ là người đại diện cho nhà Lang để tổ chức lao động trên ruộng Xâu, thì trái lại y không can thiệp quá sâu vào quá trình làm Nõ. Đầu vụ, y đóng cọc và căng dây trên mặt ruộng để phân Nõ cho các nóc. Đến kỳ gặt hái, y kiểm soát việc thu hoạch hoa lợi. Ngoài ra, người làm Nõ tự do bố trí thì giờ cũng như biện pháp lao tác trên ruộng Nõ, nhìn bề ngoài chẳng khác gì người tiểu nông tự canh, miễn sao cuối vụ nộp toàn bộ số lúa thu hoạch được cho nhà Lang.

Xâu và Nõ không chỉ khác nhau về mặt tổ chức và quản lý lao động, Xâu còn được xem là đặc trưng và đặc quyền của Lang Cun. Ở Mường Rếch, Mường Động, và nhiều Mường khác ở Hòa Bình, nói chung chỉ có Cun ở Chiềng mới được dân Chiềng và dân các xóm làm Xâu trên ruộng Lang. Ngoài ruộng Xâu ra, Cun còn có ruộng Nõ. Còn Lang Đạo ở xóm thường chỉ có ruộng Nõ thôi. Người Mường ở Hòa Bình đã cố định nguyên tắc ấy trong câu nói đầu miệng: “CUN XÂU, TAO NÕ” (= Cun Xâu, Đạo Nõ). Nhưng, như mọi nguyên tắc, nguyên tắc nói trên cũng có biệt lệ. Nhìn lại phương án ruộng Lang xóm Đúp, ta thấy dân xóm phải làm Xâu trên con NA KHOANG của Đạo Cương. Lần lại lịch sử dòng Lang ở đây, chúng tôi đã tìm hiểu được lý do của biệt lệ đó. Thực ra, việc Lang Đạo xóm Đúp có ruộng Xâu là một hiện tượng mới xuất hiện gần đây thôi, dưới thời Bạch Công Cương, Lang Đạo cuối cùng của xóm Đúp trước Cách mạng tháng Tám. Từ xưa, NA KHOANG vốn là ruộng Nõ. Muốn biến con ruộng này thành ruộng Xâu, Đạo Cương đã dựa vào uy thế rất lớn của em rể y: em gái Cương lấy Đinh Công Thịnh, Lang Cun MUÔNG CỒI (= Mường Cời)(19), tuần phủ tỉnh Hòa Bình. Có thể lực chưa đủ, còn phải có lý do. Đạo Cương có một người cô ruột lấy Lang Cung MUÔNG PĂNG (= Mường Bằng)(20), thường gọi là

“ÔNG CHU(21)PẮNG” (= Ông Chu Bằng). Chồng chết, không con, vợ Chu Bằng trở về quê sống dựa vào cháu ruột là Đạo Cương. Sau khi cất thửa NA KHOANG cho cô, Cương viện cớ bà ta là “bà Chu” (vợ Lang Cun) mà đòi hỏi các Ấu và dân xóm phải biến NA KHOANG thành ruộng Xâu. Bấy giờ uy thế của Đình Công Thịnh to quá, chẳng những dân xóm không dám phản đối, mà Cun ở Chiềng cũng đành bấm bụng lờ đi. Vợ Chu Bằng chết, NA KHOANG trở về tay Cương. Theo lệ sẵn - vả lại Đình Công Thịnh vẫn còn đấy - dân xóm Đúp tiếp tục cày Xâu thửa ruộng ấy cho Cương. Đó là những điều chúng tôi được nghe các cụ cao tuổi trong xóm kể lại về nguồn gốc con ruộng Xâu độc nhất của Lang Đạo xóm Đúp. Phải chăng biệt lệ của xóm Đúp thuộc loại “biệt lệ làm sáng tỏ thêm qui luật”? Ban đầu chúng tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng, về sau, khi tìm hiểu tình hình ruộng đất ở xóm Cú (= xóm CỬ), ở cạnh xóm Đúp và là xóm lớn nhất trong Mường Rếch, chúng tôi thấy rằng, trước Cách mạng tháng Tám chỉ hai đời thôi, ở đây cũng có một thửa ruộng Xâu: NA RÔI, ruộng hai vụ, diện tích là 500 mạ. Nhưng Bạch Công Phi, bố đẻ ra Đạo CỬ cuối cùng trước Cách mạng tháng Tám, đã cầm thửa ruộng ấy đi khi túng tiền. Về sau, Phi chuộc lại, nhưng đem chia một phần cho em. Diện tích còn lại quá hẹp, không thể làm Xâu được, phải biến thành ruộng Nõ. Như vậy, ruộng Lang càng vụn ra, hình thức làm Xâu càng phải hạn chế lại. Điều đó hoàn toàn phù hợp với thực tiễn lao động nông nghiệp: làm Xâu là làm tập đoàn, không thể cày bừa tập đoàn trên những mảnh ruộng nhỏ mà diện tích không quá vài trăm mạ. Đi sâu vào nhiều xóm, biết đâu chẳng tìm được nhiều vết tích ruộng Xâu của Lang Đạo như ở xóm CỬ?

Xung quanh vấn đề Xâu - Nõ, còn có một biệt lệ rất đáng lưu ý. Ngoài một vài trường hợp bất thường như vừa kể trên, nói chung “Cun Xâu, Đạo Nõ” hầu đã thành qui luật phổ biến trên

địa bàn Mường - Hòa Bình. Riêng ở CHIỀNG LÂM (= Chiềng Lằm)(22), Chiềng của Mường Bi, tình hình lại khác. Mường Bi là một Mường lớn, địa vực trùm lên 11 xã hiện nay. Dòng Lang Cun ở đây đã suy vi từ lâu trước Cách mạng tháng Tám. Nhưng, từ thuở nào, Mường Bi được xếp hàng đầu trong số 4 Mường lớn trên đất Hòa Bình. Chế độ nhà Lang ở đây nổi tiếng là khắc nghiệt. Mường Bi được xem là đất xưa của người Mường, nơi bảo lưu được một số nét cổ kính của văn hóa dân tộc. Trong đợt khảo sát cuối năm 1966, chúng tôi ngạc nhiên nhận thấy ở đây không có chế độ làm Xâu cho Lang Cun. Ngoài một số ruộng “trực canh” ra, phần lớn ruộng Lang của Cun Bi đều do dân Chiềng và các xóm ngoài Chiềng làm Nõ. Tìm hiểu sâu hơn, chúng tôi biết thêm rằng, xưa kia (?), Cun Bi cũng có ruộng Xâu, và chế độ làm Xâu ở đây còn để lại đôi tí vết mờ nhạt. Nguyên Cun Bi có ruộng Lang ngoài phạm vi đất Chiềng, ví dụ như QUẶN HỒỘC(23) ở xóm CHUỘNG(24). Bấy giờ con gái Lang địa phương chữa hoang. Chiềng phạt vạ nặng quá(25). Lang địa phương không đủ của nộp, bị Cun Bi cắt mất con QUẶN HỒỘC. Trước Cách mạng tháng Tám, các nhà ăn ruộng công ở xóm Chuông phải làm Nõ cho Cun Bi trên thửa ruộng này. Cũng trên thửa ruộng ấy, người ta dành lại một mảnh trên dưới 200 mạ: các nóc làm Nõ trên con QUẶN HỒỘC cũng cùng nhau cày cấy tập đoàn trên mảnh ruộng nhỏ kia, đến vụ gặt lại cùng nhau gặt, gọi là “HẠI XÂU” (= gặt Xâu). Điều đáng ngạc nhiên là lúa “gặt Xâu” không phải chuyển về Chiềng cho Cun Bi, mà được giữ lại để sử dụng vào việc tế lễ nông nghiệp của xóm. Đối chiếu với tình hình ở mọi nơi khác, tại những Mường mà hình thức Xâu vẫn song song tồn tại với hình thức Nõ, chúng tôi nhận thấy rằng NA THỜ (= ruộng thờ) của nhà Lang Cun đều là ruộng Xâu cả. Ruộng thờ là ruộng “hương hỏa” của một dòng Lang, mà hoa lợi

được sử dụng vào việc cúng bái tổ tiên nhà Lang, cũng như trong một số lễ nghi nông nghiệp. Những chi tiết vừa kể trên cho thấy:

1. Làm Xâu là làm tập đoàn, và được xem như một nghĩa vụ tập thể;

2. Ruộng Xâu, hoặc nhiều hoặc ít, có liên quan đến tôn giáo cổ của người Mường;

3. Ở Mường Bi, hình thức làm Xâu đã mai một, hoàn toàn nhường bước cho hình thức làm Nõ.

Trước những hiện tượng còn ít ỏi, nhưng thể hiện theo một chiều chung như vậy, chúng tôi không khỏi tự hỏi: Phải chăng hình thức làm Xâu cổ hơn, có trước hình thức làm Nõ? Cứ thuần lý mà suy thì điều đó hẳn là vô lý.

Nhưng chúng tôi không quên rằng bài báo này chỉ nhằm giới thiệu một vài tài liệu và số liệu thu nhặt được trên thực địa. Vì vậy, chúng tôi xin trình bày thêm một hiện tượng khác cũng có liên quan đến vấn đề. Xóm CỐC (= xóm Cốc, nghĩa đen: gốc) là một LANG CHEO (= Làng Chèo, chưa rõ nghĩa đen) của Lang Chiềng Động. Làng Chèo hay TẮT THỊM (= đất thím, chưa rõ nghĩa đen)(26) là những xóm thường ở rẻo cao, sống về nương rẫy, không bị một dòng Lang nào trực tiếp thống trị ngay ở xóm, nhưng vẫn phụ thuộc vào một dòng Lang ở dưới thung lũng. Có điều là dân Làng Chèo không làm ruộng, không ăn ruộng công do Lang phân phối, nên không phải gánh vác Xâu - Nõ. Là những TÚA ROONG (= đũa nương), dù sao cũng sống trên địa vực thuộc quyền thống trị của một dòng Lang, họ phải nộp cho nhà Lang một số đặc sản vùng cao (lá giông để gói bánh, mộc nhĩ, măng, nấm, sóc, cây...) vào những dịp nhất định (ngày Tết, ngày giỗ ở nhà Lang, đám tang nhà Lang...). Có những xóm ở vùng thấp, làm ruộng nước, phụ thuộc vào quyền lực của một dòng Lang,

nhưng không có Lang trực tiếp thống trị ngay ở xóm, do đó không phải gánh vác Xâu - Nõ, nên cũng gọi là Lang Chèo. Xóm Cốc là một Lang Chèo thuộc loại thứ hai này, phụ thuộc vào Lang Chiềng Động. Đứng đầu xóm là một người họ Bùi (họ bình dân), cha truyền con nối làm ÂU TAO (= Âu Đạo, gọi tắt là TAO (= Đạo), nói rõ ra là TAO CỒC (=Đạo Cốc, tức Đạo xóm Cốc). Như vậy Đạo Cốc không phải là Lang, Đạo Cốc chỉ là Âu, nhưng là Âu thế tập. Đứng đầu xóm Cốc, Đạo Cốc được ăn một thửa ruộng công của xóm, rộng những 700 mạ, con NA TÔÔNG ở xóm Cốc, mà dân xóm thường gọi là NA TAO (= ruộng Đạo). Trên con ruộng ấy dân xóm Cốc không phải Xâu - Nõ: như chúng ta đã biết, Xâu - Nõ là đặc quyền của nhà Lang. Nhưng hôm bữa lượt cuối cùng cho bùn ruộng thật nhuyển để bắt tay vào cấy ngay - người Mường gọi là PƯA WẶT (= bữa hoạt, chưa rõ nghĩa đen) - dân cả xóm cứ mỗi nóc một người mang bữa nhà và đánh trâu nhà đến bữa và cấy tập đoàn ruộng Đạo. Dân những xóm lân cận, những xóm cũng thuộc quyền thống trị của Lang Chiềng Động nhưng không phải là những Làng Chèo, ví như xóm QUÊL'JU (Quê Giù) ở sát xóm Cốc, bảo rằng thế là dân xóm Cốc “TI WẶT XÂU CHO ÔÔNG TAO” (= đi hoạt *xâu* cho ông Đạo). Cấy xong thì đã gần tối, ai nấy kéo về nhà Đạo Cốc: tại đây, một bữa cỗ thịnh soạn, có rượu cần và rượu ngang, đang chờ đợi mọi người. Điều đáng lưu ý là, trong tâm lý của riêng nhân dân xóm Cốc trước đây, không ai xem đây là một hình thức làm Xâu, một hình thức bóc lột.

Người ta bảo như thế là “TI WẶT CHO ÔÔNG TAO” (= đi hoạt cho ông Đạo), và quan niệm rằng đây là một hình thức giúp đỡ nhà Đạo. Mà quả vậy, việc một số gia đình dùng trâu và bữa của nhà cùng nhau bữa hoạt, rồi lại cùng nhau cấy cho một nóc, là một trong những hình thức tương trợ cổ truyền của nhân dân lao động Mường. Sau buổi bữa hoạt, nóc được giúp cũng phải chịu

một bữa chén để trả ơn những nóc đến giúp. Người Mường gọi thế là MAIN'WIỆC (= mượn việc) hay MAIN'COÔNG (= mượn công)(27). Có điều là, trong trường hợp mượn việc hay mượn công giữa nhân dân lao động với nhau, tinh thần là được giúp thì phải giúp lại khi người ta cần đến mình. Còn trong trường hợp dân xóm Cốc “đi hoạt cho nhà ông Đạo”, thì Đạo Cốc được giúp nhưng không phải giúp lại. Ở đây, chúng ta cảm thấy có sự “nhập nhằng” giữa tương trợ và bóc lột. Và đằng sau Âu Đạo xóm Cốc, đã thấy thấp thoáng bóng dáng một ông Lang chưa đủ lông đủ cánh.

“Trực canh” và cho cấy chia

Ngoài *Xâu - Nõ* ra, phương án ruộng Lang xóm Đúp còn cho ta thấy một hình thức khai thác ruộng Lang nữa, hình thức mà chúng tôi tạm gọi là “trực canh”. Trong tiếng Mường không có từ nào chỉ hình thức này. Thực ra, “trực canh” là một cách nói chưa thỏa đáng, vì không mấy khi Lang trực tiếp lao động. Lực lượng chính canh tác trên những thửa ruộng tạm gọi là “trực canh” này gồm CON HẦU (= Con hầu) và PHIÊN (= Phiên). Con hầu là đầy tớ trong nhà Lang. Hoặc bố mẹ họ nghèo túng quá, phải bán con cho Lang. Hoặc bố mẹ họ nợ nhà Lang không trả được, phải gán con thay nợ. Cũng có trường hợp bố mẹ hay chính bản thân họ phạm tội đối với nhà Lang, với Mường, với xóm, bị phạt vạ nặng, nhưng nghèo quá, đành gán con hay dẫn thân vào làm con hầu nhà Lang thay nộp vạ. Con hầu không nhất thiết ở vĩnh viễn trong nhà Lang. Trong trường hợp thứ nhất (bán con), khi bán, bố mẹ có thể cùng Lang thỏa thuận về giá cả cũng như thời gian ở trong nhà Lang (vĩnh viễn hay có hạn). Trong khi trường hợp sau (gán nợ, thay nộp vạ), khi nào bố mẹ trả xong nợ hay nộp xong vạ thì con ra khỏi nhà Lang. Ở với Lang, con hầu được nuôi cơm và cấp áo, có trường hợp được nhà Lang dựng vợ gả chồng và cho ra ở riêng, nhưng không được trả công. Ở trong nhà Lang, con

hầu phải làm mọi việc người nhà Lang sai, có những trường hợp phải lao động trên ruộng “trực canh” của Lang. Con hầu có phải là nô lệ trong nhà như người ĐIK’ và người H’LUN trong các xã hội cổ truyền ở Tây Nguyên(28) không? hay phải xếp họ vào loại “nô tì”, như “điền nô” thời Lý - Trần? Đây là một vấn đề cần tìm hiểu để soi sáng thêm tính chất của chế độ nhà Lang. Đây cũng là một trong nhiều câu hỏi chưa thể giải đáp ngay được, trên cơ sở một số tài liệu mới thu thập bước đầu.

Đáng lưu ý là Phiên, vì TI PHIÊN (= đi phiên) là một hình thức lao động không công hầu như động đến mọi người dân lao động Mường. Phiên là người bình dân, vì được ăn ruộng công do Lang phân phối nên phải gánh vác nhiều nghĩa vụ, trong đó có nghĩa vụ thay phiên nhau đến phục dịch tại nhà Lang. Các nóc Ấu không phải đi phiên. Một lượt đi phiên, kéo dài trong một số ngày đêm nhất định, gọi là một K’li(29). Trong thời gian ấy, phiên được nhà Lang nuôi cơm, phải ngủ lại nhà Lang, và phải làm việc không công cho nhà Lang dưới nhiều hình thức, có những trường hợp phải canh tác trên ruộng “trực canh” của Lang. Một k’li là bao nhiêu ngày? Cứ mỗi k’li phải có bao nhiêu nóc cử người đi phiên? Việc lao động trên ruộng “trực canh” của nhà Lang được phân phối như thế nào giữa Con hầu và Phiên? Những điều đó hoàn toàn tùy thuộc tập quán từng xóm từng Mường, tùy thuộc thói quen từng nhà Lang. Ở Chiềng Rếch, từ xưa chỉ có Phiên canh tác trên ruộng “trực canh” của Cun Rếch, mỗi k’li là 3 ngày 3 đêm. Con hầu không canh tác mà chỉ phục dịch trong nhà. Trái lại, ở Chiềng Lằm (Chiềng của Mường Bi), chính Con hầu phải cày cấy ruộng “trực canh” của Cun Bi, còn Phiên thì phục dịch trong những việc khác. Riêng tại xóm Đúp, trong thời gian ứng với bản phươg án đang trình bày, chế độ nhà Lang đã suy, nhà Đạo Đúp không còn Con hầu, mà cũng chẳng còn được

dân xóm đi Phiên phục dịch cho nữa. Trong tình thế đó, Đạo Cường đành cho các con lao động trên ruộng “trực canh” của nhà Đạo. Thực ra, hiện tượng vợ con Lang ra đồng làm việc không đến nỗi quá hiếm: vợ con Lang Đạo nhỏ đã sa sút, ít nhiều có tham gia lao động. Ngay trong trường hợp các nhà Lang giàu và có uy thế, thậm chí cả trong một số nhà Lang Cun, những vợ bé xuất thân là con nhà bình dân cũng phải lao động. Nhưng đó lại là vấn đề khác.

Ở Đúp, mặc dầu nhà Đạo Cường những 4 con trai, nhưng có năm không làm hết diện tích “trực canh”, phải cho người khác CẮL’CHIA (= cấy chia), nghĩa là làm rẽ. Hai nhà Lang thứ trong xóm (Lang Hương và Lang Phú) nhiều khi cũng giải quyết theo hướng ấy. Diện tích mà ba nhà Lang xóm Đúp cho cấy chia chiếm tỷ lệ cao thấp, như thế nào trên tổng diện tích ruộng Lang? Điều đó thực khó xác định, không thể hiện lên phương án được. Vì không phải năm nào nhà Lang cũng cho cấy chia, năm có năm không, năm nay cho cấy thửa này năm sau cho cấy thửa khác. Dù sao, những người ở xóm Đúp từng sống dưới chế độ cũ, kể cả con cháu Đạo Cường, đều xác nhận với chúng tôi rằng hiện tượng nhà Lang cho cấy chia là có thực. Ở xóm Củ, cạnh xóm Đúp, cũng có hiện tượng đó. Tại đây, chúng tôi theo dõi được sự chuyển biến của 2 thửa ruộng trong số nhiều con ruộng Nõ của nhà Đạo Củ. GIEL’RO và NARO là những thửa ruộng to mảnh, tốt, sẵn nước, làm được hai vụ, thuộc loại ruộng mà người Mường gọi là “NA MẮT NA MIẾNG” (= ruộng mặt ruộng mồm), niềm hãnh diện của nhà Đạo. Trước Cách mạng tháng Tám một đời, khi Bạch Công Phi mới thay anh cả của y làm Lang Đạo xóm Củ, hai con ruộng ấy còn là ruộng Nõ. Tình hình bấy giờ như sau:

GIEL’RO: 400 mạ, ruộng 2 vụ, chia làm 4 Nõ.

NRO: 700 - , - - - - -

Nhưng Phi vốn là tay chơi bời, chuyên TẠNH QUAY (= đánh quay, tức đánh xóc đĩa) và nghiện thuốc phiện nặng. Từ địa vị thấp kém là con vợ bé, nhờ anh cả chết không con mà bỗng nhiên nhẩy lên địa vị Lang Đạo xóm, Phi lợi dụng hoàn cảnh mới để thỏa mãn những dục vọng bị kiềm chế hồi anh cả y còn sống. Thoạt tiên y cầm cố con GIEL'RO cho Bạch Công Bách, người trong họ. Các Âu bèn chuyển 4 nóc làm Nõ trên GIEL'RO qua NARO. Thế là NARO, trước kia chỉ gồm có 7 Nõ, nay được chia lại thành 11 Nõ, mỗi Nõ chỉ hơn 60 mạ. Diện tích Nõ hẹp quá, chỉ bốn góc Nõ (mà đường cày không với đến) cũng đã chiếm một tỷ lệ khá lớn so với diện tích Nõ rồi! Việc quản lý đã diệu vợi, mà sản lượng thu hoạch trên từng Nõ con chả đáng là bao, cuối cùng Phi cho một người cấy chia thửa NARO. Theo dõi hai con ruộng Nõ này của đạo Củ, chúng ta thấy được, trong một trường hợp cụ thể, bước đường từ làm Nõ đến cấy chia.

Nhưng cho cấy chia không phải là hiện tượng biệt lập trong phạm vi ruộng Lang. Trong hai trường hợp cụ thể vừa nêu trên (ở xóm Đúp và xóm Củ), chúng ta thấy rằng chỉ khi nào chế độ nhà Lang, vì lý do này hay lý do kia, suy yếu đi, thì trong một số trường hợp cụ thể nào đó nhà Lang mới dùng đến biện pháp cho cấy chia. Tuy nhiên, hình thức cấy chia không phải là hiện tượng trên trời rơi xuống, mà vốn có sẵn trong mối quan hệ giữa dân và dân. Và điểm lý thú của vấn đề chính là ở đây. Do đó, chúng tôi xin phép dẫn động đến hai loại ruộng khác không phải là đối tượng chính của bài báo này: ruộng tư và ruộng công, đặc biệt là ruộng công.

NA RUỒM (= ruộng rườm, tức ruộng tư) không đóng một vai trò đáng kể lắm, vì vừa xấu (RUỒM = rườm, rườm rà), vừa

không bao nhiêu. Trái lại, vai trò của NA CÔÔNG (= ruộng công) hay NA JÂN (= ruộng dân) rất quan trọng, dù chỉ xét về mặt diện tích: tuyệt đại bộ phận diện tích nuôi sống người nông dân Mường dưới chế độ nhà Lang là ruộng công của Chiềng, của xóm. So sánh phương án ruộng Lang xóm Đúp (phương án (1) với phương án ruộng công (phương án (2)) và phương án ruộng tư (phương án (3)) cùng xóm, chúng ta thấy ba loại ruộng chiếm những tỷ lệ như sau:

Ruộng Lang: 9.230 mạ = 29,91% sai thiếu

Ruộng công : ~~8.610 mạ~~ = 60,33% sai thừa

Ruộng tư: 3.010 mạ = 9,76% sai thừa

30.850 mạ = 100%

Ở một số nơi khác tuy số liệu thu được chưa cho phép lên những phương án tương đối tin cậy được như tại xóm Đúp, nhưng theo ước lượng bước đầu thì tình hình cũng na ná như vậy: ruộng công thường chiếm một tỉ lệ từ 50% trở lên, còn ruộng tư ít khi vượt 10% NA CÔÔNG hay NA JÂN của người Mường ở Hoà Bình. Đúng là ruộng công ở chỗ nó không thuộc quyền sở hữu của nóc nào cả, kể cả nhà Lang: không ai có quyền bán đoạn ruộng công, dù người ấy là Lang hay Ấu. Nhưng cũng phải nói ngay rằng ruộng công ở Hoà Bình không còn giữ được những đặc thù của đất đai công hữu thường được nêu trên các công trình miêu tả chế độ ruộng công của công xã nông thôn xưa kia(30), tại tất cả những nơi mà chúng tôi đi qua, trên vùng Mường Hoà Bình chúng tôi chưa hề tìm được ở đâu những bằng chứng về chế độ chia ruộng định kỳ. Theo cổ lệ của xóm Đúp, chẳng hạn, toàn bộ diện tích ruộng công được chia làm 12 phần (xem phương án (2)), 4 phần to nhất hoặc tốt nhất gọi là NA ẤU (= ruộng Ấu) do 4 nhà Ấu ăn cố định từ lâu đời(31). 8 phần còn lại, nhỏ hơn và không

tốt bằng, gọi là NA PHÂN WIÊC (= ruộng phần việc) hay NA TI PHU (= ruộng đi phu), do 8 nóc nhà ăn cố định cũng đã từ lâu. “Cố định” chẳng qua chỉ là một cách nói. Vì nhà Lang có quyền rút phần ruộng công lại, nếu nóc ăn phần ruộng công ấy phạm tội đối với Lang, với Mường, với xóm. Nóc được ăn cũng có quyền tự động trả phần lại, đồng thời trả luôn những nghĩa vụ mà nóc ăn ruộng công phải gánh vác. Đặc biệt, trong trường hợp người chủ nóc chết đi mà không có con nối dõi, thì tập quán pháp Mường xem rằng nóc ấy không còn nữa, và nhà Lang có quyền tịch thu hết những của cải chính do chủ nóc để lại (ruộng tư, đồ đồng, vàng bạc...), đồng thời rút phần ruộng công về: đó là lệ THU LUYCK (= thu lụt). Nhưng những trường hợp như thế không xảy ra luôn, và trong thực tiễn có nhiều phần ruộng công được cha truyền con nhận qua nhiều đời. Vấn đề tồn tại mà đáng lẽ xã hội phải giải quyết là số phận những nóc không được ăn ruộng công, những NOÓC K'LOI (= nóc trọi). Vì, như trong trường hợp xóm Đúp hồi năm 1935, chỉ có 12 phần ruộng công thôi, mà toàn xóm tính trên dưới 25 nóc. Bộ thống trị của nhà Lang không trừ liệu một giải pháp nào cả. Chỉ bao giờ khuyết một nóc ăn ruộng công - bị Lang rút phần, tự ý trả phần, hay bị thu lụt -, bấy giờ Lang và Ấu mới hợp lại để điều phân ruộng chưa có người ăn cho một nóc nhà. Đây là dịp cho Lang - Ấu ăn lễ. Nói tóm lại:

1. Quyền chiếm hữu ruộng công của nông dân Mường (Hòa Bình) trước Cách mạng tháng Tám đã tương đối ổn định;

2. Ruộng công bị đẳng cấp thống trị (nhà Lang) thao túng.

Trong khuôn khổ vấn đề ruộng công, chúng ta vừa đề cập đến thân phận những nóc trọi mà bộ máy thống trị của nhà Lang không hề đoái hoài đến. Chính trong hoàn cảnh đó mới thấy tác dụng của các hình thái tương trợ cổ truyền. Những hình thái ấy

có nhiều, mà một bài báo không thể miêu tả hết. Cho làm rẽ cũng là một. Trong ngôn ngữ Mường (Hòa Bình), có nhiều cách chỉ khái niệm rãnh rẽ: CẮL'CHIA (= cấy chia), LA CHIA (= làm chia), LA RE (= làm rẽ), LA RE CHIA HAL' (= rẽ chia hai). Ở Mường Bim, có người nói: LA THÊ CHIA HAL' (= làm thuê chia hai). Thể thức là rẽ đôi: nửa số thu hoạch được về tay người làm rẽ, nửa số là về tay người chiếm hữu ruộng. Diện tích cho cấy chia thường chỉ vài trăm mạ là cùng. Cấy chia không phải là hiện tượng thường xuyên: đó chỉ là cách giải quyết tạm bợ, trong một vụ, trong một năm.

Lý do cho cấy chia có thể có nhiều: giúp đỡ họ hàng, bè bạn; nhà được ăn ruộng công không làm hết diện tích, vì tạm thời thiếu nhân lực, vì thiếu thóc giống, vì sẵn ruộng tư... Dù lý do thực tế là gì, thì ý thức tương trợ vẫn rõ rệt. Người ta bảo: “CHO ENG ÚN CẮL'CHIA” (= cho anh em cấy chia).

Hình thức cho cấy chia không phải không giống hình thức phát canh thu tô ở miền xuôi. Tuy nhiên, vì những đặc điểm nêu trên (diện tích hẹp, không thường xuyên, ý thức tương trợ), chúng tôi nghĩ rằng đây không phải hay chưa phải là chế độ địa tô. Nhưng rõ ràng cấy chia không thể ra đời trong xã hội Mường, dù với tư cách là hình thức tương trợ, nếu ruộng công được định kỳ phân phối lại. Trong phạm vi bài này, điều đáng cho chúng ta lưu ý vẫn là: trước Cách mạng tháng Tám, ở những nơi mà chế độ nhà Lang đã suy vi, tại những Mường những xóm mà hiện tượng chia và cầm cố đã làm cho ruộng Lang vụn ra, một số Lang đã lợi dụng hình thức cho cấy chia, vốn là một hình thức tương trợ của nông dân, để thay thế sự bóc lột sức lao động của con Hâu, người Phiên, hay thay thế Xâu - Nõ. Biến các hình thức hợp tác cổ truyền của nhân dân lao động Mường, đặc biệt các hình thức mượn việc cấy và cho cấy chia, thành những hình thức bóc lột

thường xuyên cũng là thủ đoạn làm giàu của vài Ấu lớn. Cho nên, không có gì đáng ngạc nhiên, nếu sau ngày tổng khởi nghĩa năm 1945, khi chế độ Xâu - Nõ - Phiên - Hầu bắt đầu tan rã nhanh chóng, nhiều nhà Lang, tại những vùng không nhất thiết giáp với miền xuôi, đã chuyển một cách tương đối tự nhiên qua hình thức cho cấy chia thường xuyên(32).

Sắp xếp lại những nhận xét lẻ tẻ trong các phần trên, chúng ta có thể nói:

1. Xâu và Nõ đều là những hình thức lao động không công. Nhưng các sai biệt về tổ chức lao động và một số chi tiết khác cho phép ngờ rằng hình thức Xâu ra đời trước hình thức Nõ. Từ Xâu đến Nõ, ta thấy diện tích ruộng Lang vụn ra.

2. Đi Phiên làm ruộng Lang cũng là lao động không công, có thể ghép vào hình thức làm Xâu.

3. Diện tích chiếm hữu càng vụn ra, và phạm vi Xâu - Nõ càng bị hạn chế lại, muốn khai thác hết diện tích ruộng Lang, nhà Lang phải lợi dụng một hình thức hợp tác cổ truyền của dân Mường: cho cấy chia.

4. Chia và cầm cố ruộng Lang là những nguyên nhân đã góp phần làm cho diện tích ruộng Lang vụn ra.

Đây mới là những nhận xét bước đầu rút ra từ một vài tài liệu và số liệu ít ỏi, có thể nói chỉ là những nhận xét “điền dã”. Còn phải đi sâu tìm nhiều lần, còn phải đối chiếu, so sánh, để củng cố và phát triển thêm nhận xét, hay gạt bỏ đi. Cái có thể còn lại là ít nhiều sự kiện cụ thể thu nhặt được trên thực địa, mà chúng tôi muốn góp vào tập hồ sơ chung về chế độ ruộng đất cổ truyền ở miền núi nước ta.

Trại Trám, ngày 7-11-1967

1. Trước 1954, một vài thư tịch, viết bằng tiếng Việt hay tiếng Pháp, đã đề cập đến chế độ nhà Lang trong xã hội Mường. Nhưng hầu như không có thư tịch nào miêu tả chế độ ruộng đất của người Mường một cách thực sự hệ thống và tỉ mỉ. Có thể tham khảo: T. BRISSON, *La propriété chez les peuplades du Lac Tho*, “Revue indochinoise”, Oct.1904. trang 502-508; và J. CUISINIER, *Les Muong, Géographie humaine et Sociologie*. Inst. d’Ethnol, Paris 1948, tr.287-293.

Sau 1954, do nhu cầu thực tiễn của công tác vận động các dân tộc miền núi, vấn đề lại được đề cập đến, dưới một nhãn quan và theo một quan điểm hoàn toàn mới, qua nhiều báo cáo chính trị và bài nghiên cứu. Trong số những bài nghiên cứu đã công bố, có hệ thống nhất là: MẠC ĐUỜNG, *Xã hội và ruộng đất ở vùng Mường trước Cách mạng tháng Tám*, “Nghiên cứu lịch sử”, số 37, tháng 4-1962, tr. 49-56, và số 38, tháng 5-1962, tr.38-44.

2. Tiếng Mường vốn rất gần tiếng Việt, nhất là về mặt từ vựng, nên khi giao thiệp với người Việt, người Mường thường Việt hóa các địa danh, cũng như một số từ Mường không có thể tương ứng trong tiếng Việt. Ở đây, mỗi khi gặp những địa danh và từ Mường thuộc loại ấy, chúng tôi có phiên âm (in chữ hoa), sau đó ghi thêm thể Việt hóa trong ngoặc đơn...

3. Tên tự xưng của dân tộc Mường là MOL (= người). Còn MUÔNG (= Mường) là một danh từ chung, chỉ địa vực gồm nhiều xóm và đặt dưới quyền thống trị của một dòng Lang. Nhưng mấy chữ “dân tộc Mường” đã trở thành phổ cập, nên chúng tôi cứ gọi là “người Mường” cho tiện.

Kể tên những Mường lớn, người Mường có câu nói đầu miệng sau đây: “NHẤT PI, NHÌ WANG, TAM THÀNG, TƯ TÔÔNG (= nhất Bi, nhì Vang, tam Thàng, tứ Động).

4. Nay thuộc xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi. Đất Mường Bi cũ hiện rải ra trên 11 xã thuộc huyện Tân Lạc. Còn đất Mường Động cũng rải ra trên nhiều xã thuộc huyện Kim Bôi.

5. Hầu hết những giấy tờ viết bằng chữ Hán của người Mường ở Hòa Bình đã có công lớn trong việc kiên nhẫn sưu tầm những văn bản còn sót lại. Nhưng các giấy tờ thu lại được vẫn không đủ để giúp ta hiểu chế độ ruộng đất trước kia của người Mường. Tài liệu phong phú nhất vẫn là tài liệu truyền miệng.

6. Ở Chiềng Động trước kia, ruộng được chia thành 7 loại: 1. NA LANG (= ruộng Lang), 2. NA TAO (= ruộng Đạo), 3. NA ÂU (= ruộng Âu), 4. NA PO (= ruộng Bõ, Bõ là một chức Âu đặc biệt), 5. NA CÔNG KHỌ (= ruộng Công khó, tức ruộng chia cho người có công giúp hay cứu nhà Lang), 6. NA WIÊC hay NA TI PHU (= ruộng việc hay ruộng đi phu), 7. NA RŨOM (= ruộng rườm, tức ruộng tư).

Ở Chiềng Lầm (thuộc Mường Bi), có 3 loại ruộng: 1. NA LANG (= ruộng Lang), 2. NA JÂN (= ruộng dân), 3. NA HUÔM (= ruộng rườm). Riêng loại ruộng Ruộng dân lại được phân thành 5 loại nhỏ...

7. Xem lại 1.

8. Xung quanh từ LANG này, có nhiều vấn đề gắn liền với lịch sử, mà chúng tôi mong sẽ có dịp bàn riêng.

9. Thực ra cũng có một số người bình dân mà tộc danh là NGUYỄN, là PHÙNG. Nhưng theo sự tìm hiểu bước đầu của một số bạn đồng nghiệp, thì những người này vốn gốc miền xuôi. Dù sao, điều chắc chắn là tộc danh của tuyệt đại đa số người bình dân là BÙI.

10. Căn cứ vào phổ hệ của tất cả những gia đình ở xóm Đúp, chúng tôi nhận thấy, vào quãng năm 1935, xóm này chỉ có trên dưới 25 nóc nhà, nhưng số ít nóc nhà ấy lại là thành viên của những 9 tông tộc khác nhau. Như vậy, tính chất “láng giềng” của mối quan hệ giữa nhà này nhà kia trong cùng một xóm thực ra rõ ràng. Đúng như Mạc Đường đã nói (xem: tài liệu đã dẫn, số 37, trang 49), “các gia đình trong một “chòm”... thường chung một họ với nhau”, nếu ta hiểu “họ” đây chỉ là

tộc danh (BÙI), chứ không phải là tông tộc, trên nguyên tắc ấy.

11. MUỜNG, CHIỀNG, TAO là những phạm trù vốn có trong tổ chức thống trị của Phìa - Tào Thái ở Tây Bắc. Một vấn đề lý thú: phạm trù CUN có quan hệ gì với phạm trù KHUN của một số ngành Xá ở Tây Bắc hay không?

12. Trong cách xưng hô có phần đã cổ của người Mường, Âu là một từ tôn xưng, dùng để chỉ bất cứ người khách nào (không nhất thiết dành cho những người giữ chức vụ này chức vụ kia trong bộ máy thống trị của nhà Lang), đặc biệt để chỉ những khách lạ từ một Mường khác đến. Ví dụ: ÂU MUỜNG WANG (= âu Mường Vang). Khi người Mường kể câu tục ngữ: “LANG CHẾT CỌ GIA PHA, ÂU MÊ CHẾT CỌ GIA CHIÊN” (= Lang chết có gia phả, âu - mẹ chết có gia truyền), rõ ràng họ muốn đối lập thân phận của quý tộc (Lang) với thân phận của bình dân (Âu - Mẹ). Trong ngôn ngữ Khơme, ÂU hay ÂU PỨC có nghĩa là: bố.

13. J.Cuisinier là người đầu tiên phát triển ý này (xem: sách đã dẫn, trang 287-293). Theo tác giả, tiền thân của nhà Lang là người “khai canh” trên một vùng đất hoang, do đó mà được những người đến sau thừa nhận quyền chiếm hữu đất đai.

14. Điều đó cũng dễ hiểu. Trong số 4 Mường lớn trước Cách mạng tháng Tám, Mường Động là Mường suy vi nhất: không còn chế độ Lang Cun, vì đa số các xóm đều tách ra, không phụ thuộc vào Chiềng nữa.

15. Thực ra, tại các Chiềng (nơi Lang Cun trực tiếp thống trị), diện tích khai thác bằng hai hình thức Xâu - Nõ rất rộng. Ví dụ: căn cứ vào phương án ruộng Lang ở Chiềng Rếch, thì Cun Rếch khai thác ruộng Lang dưới ba hình thức và theo những tỷ lệ như sau:

- Xâu: 2.870 mạ = 41,8% sai thừa
- Nõ: 2.600 - = 37,8 - sai thiếu
- Trục canh: 1.400 - = 20,4 - sai thừa
- Tổng diện tích
ruộng Lang: 6.870 mạ = 100%

16. Kết cấu các hệ thống Âu rất khác nhau, từ xóm này qua xóm kia, từ Chiềng này qua Chiềng kia. Do đó, những thuật ngữ chỉ định các chức Âu, đặc biệt thuật ngữ chỉ định chức Âu phụ trách nước ruộng - mạ - Xâu - Nỗ, cũng không thống nhất. Ở Chiềng Rếch, chức Âu ấy là ÂU CHẬU KHO (= như ở xóm Đúp); nhưng ở xóm Cũ (cạnh xóm Đúp) thì đấy lại là CAI KHO (= Cai kho). Ở Mường Bi - dù tại Chiềng hay các xóm -, thuật ngữ thống nhất là ÂU CHẬU (= Âu chầu).

17. Trong tổ chức thực tiễn, không phải nhất thiết bao giờ cũng có cảnh mọi người làm Xâu chầu vào một thửa ruộng. Thường thì Âu phụ trách Xâu - Nỗ phân công số người lao động có sẵn trong tay vào nhiều thửa ruộng Xâu cùng một lúc. Nhưng hình thức làm tập đoàn cũng rất phổ biến trong các khâu canh tác chính: cày - bừa, cấy gặt. Hình thức nhiều gia đình cấy hay gặt tập đoàn giúp cho một gia đình cũng được người KINH tại nhiều vùng ở Phú Thọ gọi là: LÀM DUỖM hay LÀM XẤU.

18. Xem Mạc Đường, tài liệu đã dẫn, số 38, tr. 41.

19. Mường Cời vốn là một Mường nhỏ ở trên đất huyện Lương Sơn này nay, Cun Cời vốn không phải là một Lang Cun có uy thế ở tỉnh Hòa Bình. Nhưng, trong khi thống trị các vùng Mường, một mặt thực dân Pháp dựa vào thế lực các nhà Lang lớn để gây mâu thuẫn giữa các Lang Mường và quan lại Kinh; mặt khác chúng nuôi dưỡng một số nhà Lang nhỏ nhưng trung thành với chúng, để kiểm chế những nhà Lang vốn có thế lực lớn. Đình Công Thịnh đã có công lớn đối với chính quyền thực dân trong việc đàn áp cuộc nổi dậy của ông Tổng Kiêm (vốn là một Lang Đạo ở trên đất huyện Kỳ Sơn ngày nay).

20. Mường Bằng là một Mường nhỏ trên đất huyện Kỳ Sơn ngày nay.

21. Lang Cun thường được gọi là “Ông Chu” hay “ông Chưởng”, cứ đời bố được gọi là “Chu” thì đời con được gọi là “Chưởng”, đến đời cháu lại được gọi là “Chu”...

22. Thường thì Mường mang tên gì Chiềng mang tên ấy. Ví dụ: Chiềng của Mường Rếch là Chiềng Rếch, Chiềng của Mường Động là

Chiêng Động. Riêng trường hợp của Mường Bi, thì Chiêng lại mang tên của xóm LẦM, xóm chính của Chiêng.

23. Người Mường gọi thửa ruộng là CON NA (= con ruộng). Tại nhiều nơi ở Hòa Bình, người Mường còn dùng danh từ QUẶN để chỉ những thửa ruộng lớn, thường là những mảnh gồm một số CON NA ở cùng một vị trí với nhau.

24. Nay thuộc xã Mỹ Hòa, huyện Tân Lạc.

25. Theo tập quán pháp Mường (Hòa Bình), tội chữa hoang là tội bị nhà Lang phạt vạ nặng nhất. Thường thì người phạm tội càng ở một bậc thang cao trong xã hội (con gái nhà Âu, con gái nhà Lang), khoản nộp vạ càng to.

26. Có người giải thích: THÍM = thừa, và như vậy Đất thím chỉ có nghĩa là: đất thừa. Đồng chí Nông Trung (cán bộ Viện Dân tộc học) cho biết rằng, ở Lào Cai, người Tày có khi gọi người Dao là Mán thím (vẫn không rõ nghĩa đen của từ “thím” ở đây). Dù sao, trên địa bàn Mường (Hòa Bình), chúng tôi chỉ nghe hai chữ “Đất thím” trong vùng Kim Bôi thôi: tại những nơi khác, thành ngữ phổ biến là TẮT THỊN (= Đất thín, chưa rõ nghĩa đen của từ “thín”).

27. Hình thức LÀM DUỖM hay LÀM XẤU của người KINH ở Phú Thọ còn có tên là LÀM MẠI: đồng bào địa phương không giải thích được nghĩa đen của từ MẠI trong trường hợp sử dụng này. Có quan hệ gì giữa từ MẠI nói đây với từ MẠIN' (= mượn) trong các thành ngữ Mường MẠIN' CÔÔNG, MẠIN' WIỆC (= mượn công, mượn việc) hay không?

28. ĐIK' là từ Ba Na, H'LUN là từ Ê Đê. Thân phận người H'lun được quy định rõ qua bộ “BIĐUÊ”, bộ tập quán pháp ghi thành lời thơ của dân tộc Ê Đê.

29. Trong ngôn ngữ Mã Lai, KALI có nghĩa là: lần, lượt. Xin cảm ơn đồng chí Mạc Mốt (Viện Dân tộc học) đã lưu ý chúng tôi điểm này. Cũng như từ vị Việt, từ vị Mường bao gồm nhiều yếu tố Mã Lai.

30. Xem MẠC ĐƯỜNG - tài liệu đã dẫn, số 38, tr. 30 và 40.

31. Thực ra, trong loại NA ÂU ở xóm Đúp, ngoài 4 phần vừa nói, còn có 3 phần NA PO (= ruộng Bõ), tức ruộng dành cho ÂU PO (= Âu Bõ). Âu Bõ là loại Âu đặc biệt, mỗi Bõ phục vụ riêng cho con cái và vợ của một Lang, không những trông nom về các mặt vật chất, mà còn săn sóc cả về mặt tôn giáo nữa (xem J.CUISINIER - sách đã dẫn, trang 307 - 314). Vì mỗi Âu Bõ gắn với cá nhân một Lang, nên mỗi phần ruộng công mà Âu Bõ được “ăn” lại giao cho Lang có Bõ quản lý. Do đó, trong ý thức dân xóm Đúp, 3 phần ruộng Bõ của xóm được xếp vào 3 phần ruộng Lang, mặc dầu Lang chỉ quản lý chứ không sử dụng hoa lợi của ruộng Bõ. Trên phương án số (2), chúng tôi xếp vào loại ruộng Âu cho đúng với tính chất của ruộng Bõ hơn.

32. Trường hợp điển hình có lẽ là trường hợp của Quách Hàm, nguyên tri châu, Lang Cun Mường Vang (nay trên đất huyện Lạc Sơn). Suốt thời gian kháng Pháp, mãi đến không bao lâu trước cải cách dân chủ, hầu hết ruộng Lang và ruộng tự do Hàm chiếm hữu đều được khai thác theo lối cho cấy chia.